TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐ-PT	*Thái Bình, ngày 04 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Nguyễn Thị Linh Nga

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Ông Vũ Duy Luân

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 19/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023.

Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình đã căn cứ vào các điều 48, 156, 157, 158, 164, 165, 166, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1942

Địa chỉ: Thôn QT, xã CL, huyện H, tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Thường: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn QT, xã CL, huyện H, tỉnh T và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thường: Ông Lương Thành Đ và bà Nguyễn Thanh H

- Bị đơn: Ông Đinh Danh T, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn QT, xã CL, huyện H, tỉnh T

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1961

+ Ông Đinh Danh Tr, sinh năm 1940

Đều có địa chỉ: Thôn QT, xã CL, huyện H, tỉnh T

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 30/11/2023, bà Nguyễn Thị Th kháng cáo với lý do: Thửa đất 862, tờ bản đồ số 3, diện tích 773,6m² tại thôn QT, xã CL, huyện H, tỉnh T của gia đình bà được cơ quan Nhà nước giao theo đúng quy

định pháp luật, gia đình bà đã sử dụng ổn định, liên tục từ trước tới nay, không xảy ra tranh chấp với bất kỳ ai. Đồng thời không có bất kỳ một văn bản nào thể hiện nội dung gia đình bà hiến đất, chuyển nhượng, tặng cho Quyền sử dụng đất, cũng như không có bất kỳ một văn bản nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi diện tích đất của gia đình bà để làm ngõ đi chung. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện H chỉ căn cứ vào một số tài liệu, chứng cứ thu thập được (kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện H, tỉnh T và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T) để xác định diện tích đất tranh chấp là ngõ đi chung, thuộc đất giao thông do Ủy ban nhân dân xã CL quản lý mà bỏ qua tất cả những tài liệu, chứng cứ khác để xác định vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện H căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để ban hành Quyết định đình chỉ không đúng quy định pháp luật, không khách quan, xâm phạm nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T đề nghị căn cứ điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 19/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh T.

XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng: Ngày 25/11/2023, bà Nguyễn Thị Th nhận được Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trên của Toà án nhân dân huyện H. Ngày 04/12/2023, bà Th gửi Đơn kháng cáo qua đường bưu điện. Đơn kháng cáo của bà Th làm trong hạn luật định, bà Th là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị nên thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bà Th là hợp lệ. Tại phiên họp phúc thẩm, bà Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th thì thấy:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Định Danh T trả lại diện tích đất khoảng 45m² (theo đo đạc hiện trạng là 47m²) thuộc thửa đất số 862, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 2008), thôn QT, xã CL, huyện H, tỉnh T do gia đình ông T đang sử dụng làm ngõ đi vào thửa đất của gia đình ông T. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng diện tích đất nêu trên là ngõ đi chung của xóm.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện H, tỉnh T và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, thể hiện: Theo sổ đăng ký ruộng đất năm 1984 - 1985 và bản đồ 299, gia đình nguyên đơn có quyền sử dụng hai thửa đất số 610 và 617, giữa hai thửa đất này có ngõ đi chung là lối đi vào thửa đất số 611 hiện do bị đơn đang quản lý, sử dụng và thuộc đất giao thông do Ủy ban nhân dân xã CL quản lý. Theo bản đồ đo đạc năm 2008, hai thửa đất số 610 và 617 (bản đồ 299) được gộp thành thửa đất số 862 của hộ ông, bà: Định Danh Tr, Vũ Thị Th. Bản đồ đo đạc năm 2008 đã chụp toàn bộ ngõ đi chung vào diện tích thửa đất số 862 nên làm cho diện tích đất tăng thêm, không có văn bản, giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao cho gia đình ông Tr, bà Th sử dụng ngõ đi chung này. Biên bản làm việc với UBND xã xã CL, huyện H, tỉnh T và Sơ đồ các thửa đất 610, 611, 613, 617 thuộc tờ bản đồ số 299 do Văn phòng đăng ký đất đai Thái Bình cung cấp là các tài liệu, chứng cứ được Tòa án nhân dân huyện H thu thập hợp pháp theo khoản 2 điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Các tài liệu, sổ sách trên được lưu giữ qua nhiều năm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, là các chứng cứ có thật, hợp pháp, khách quan và liên quan trực tiếp đến nội dung vụ án.

Quyết định sơ thẩm căn cứ vào các Điều 7, Điều 8 Luật đất đai năm 2013 và Điều 5 Thông tư sử 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định về thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thì đường giao thông nông thôn thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã; Tại khoản 24 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: "*Tranh chấp đất đai là tranh chấp quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai*" để xác định diện tích đất nguyên đơn đang đòi quyền sử dụng là đất giao thông nông thôn thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã CL, huyện H, tỉnh T, không phải là "Tranh chấp đất đai" theo quy định của Luật đất đai, qua đó kết luận vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng: Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 19/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện H, đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; lý do đình chỉ là có căn cứ và đúng pháp luật, cần chấp nhận quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên tại phiên họp; không

chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 19/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh T.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bà Th không được chấp nhận nên bà Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà Th là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 19/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh T.

2. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Th.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh T;
- Tòa án nhân dân h. H;
- VKSND h. H;
- Chi cục THADS h. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Linh Nga